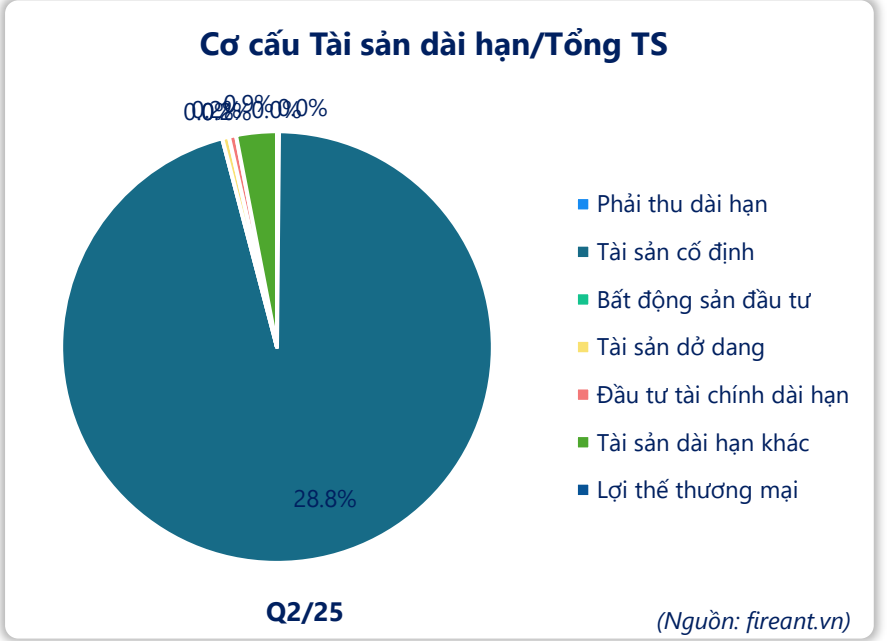
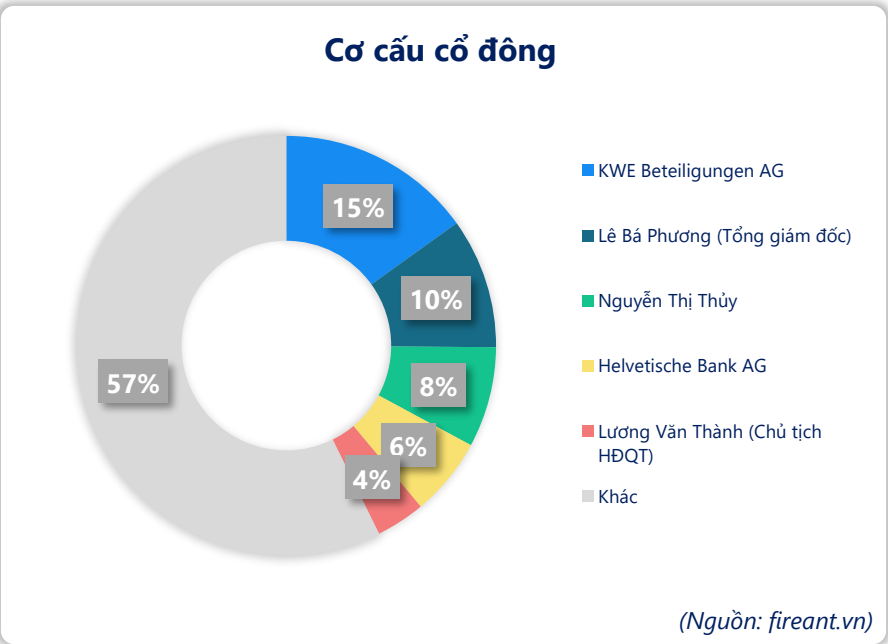
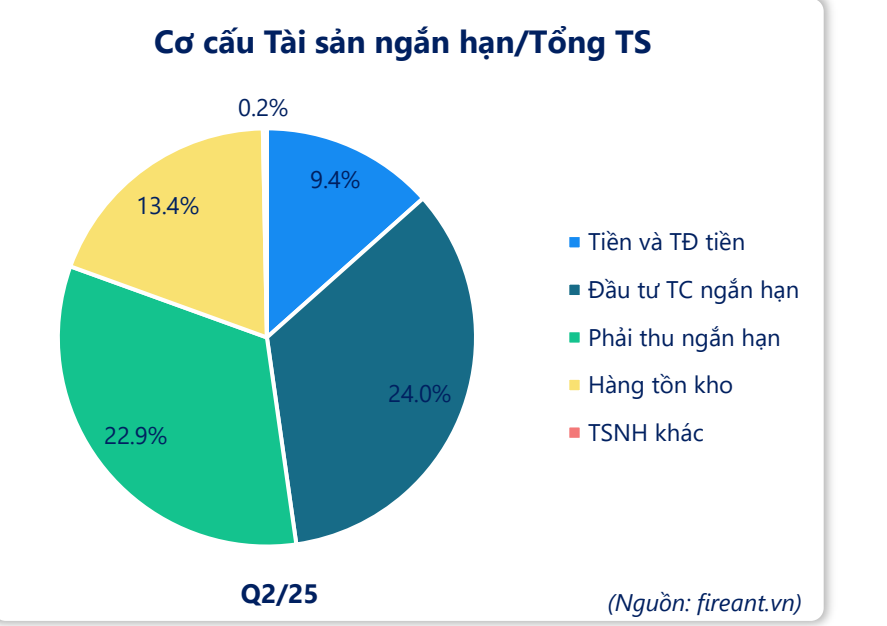
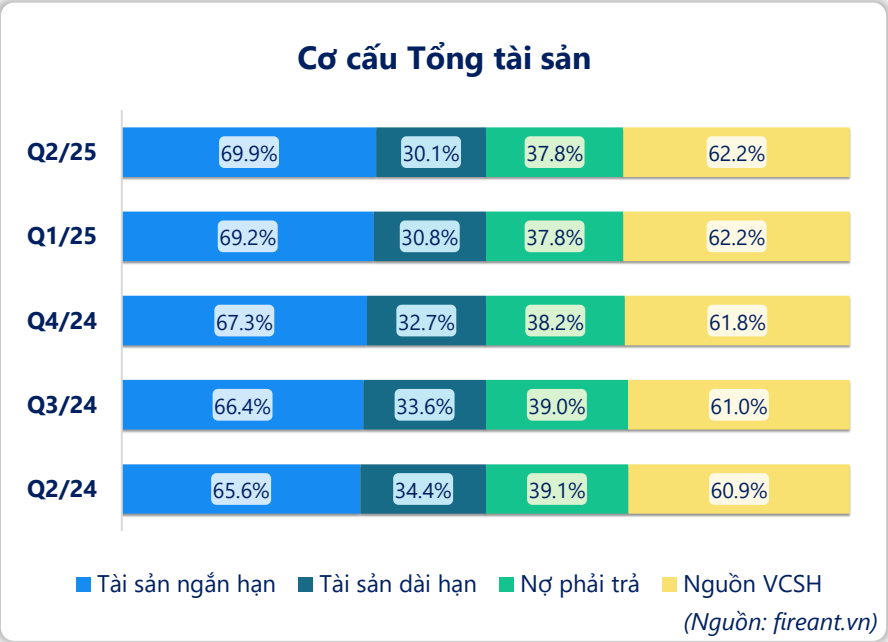
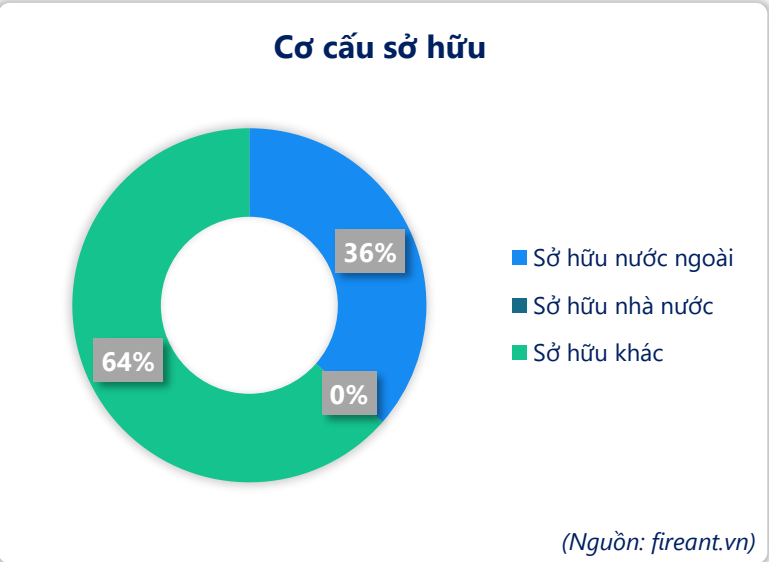
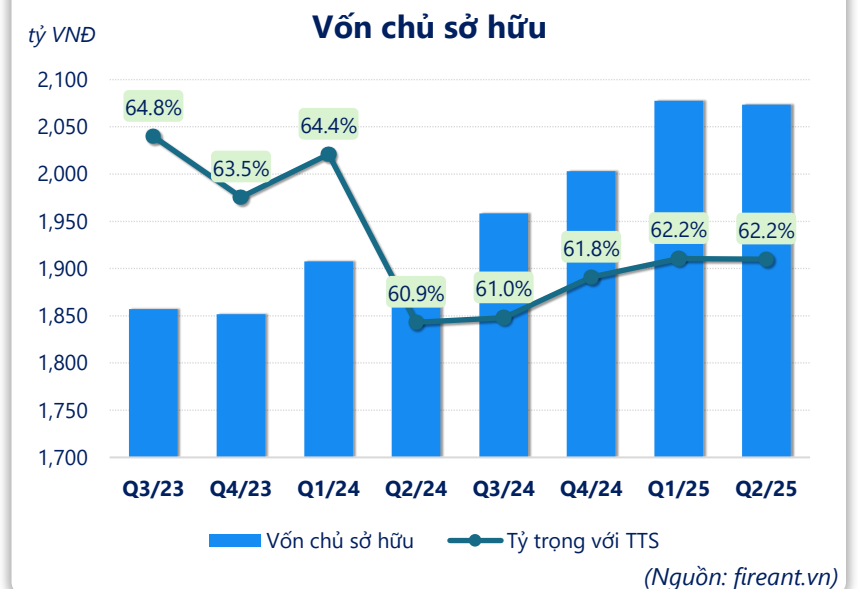
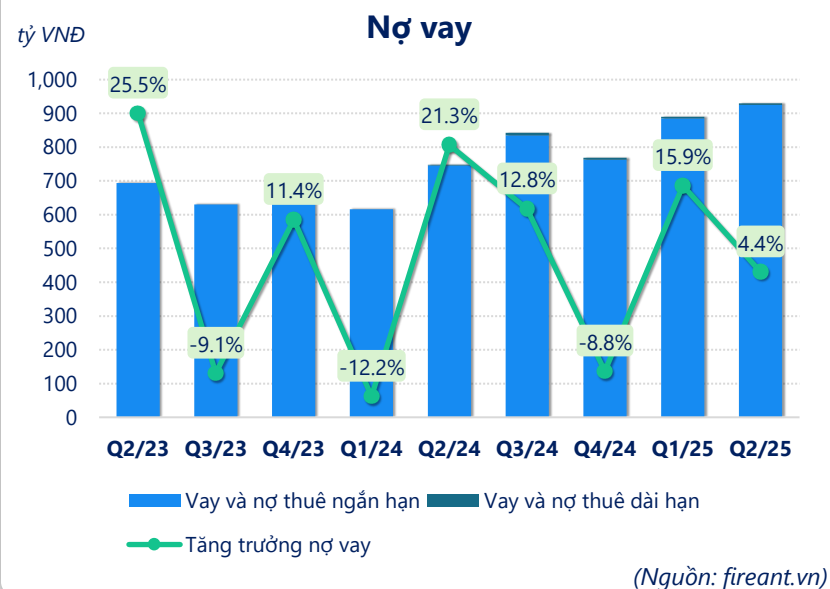
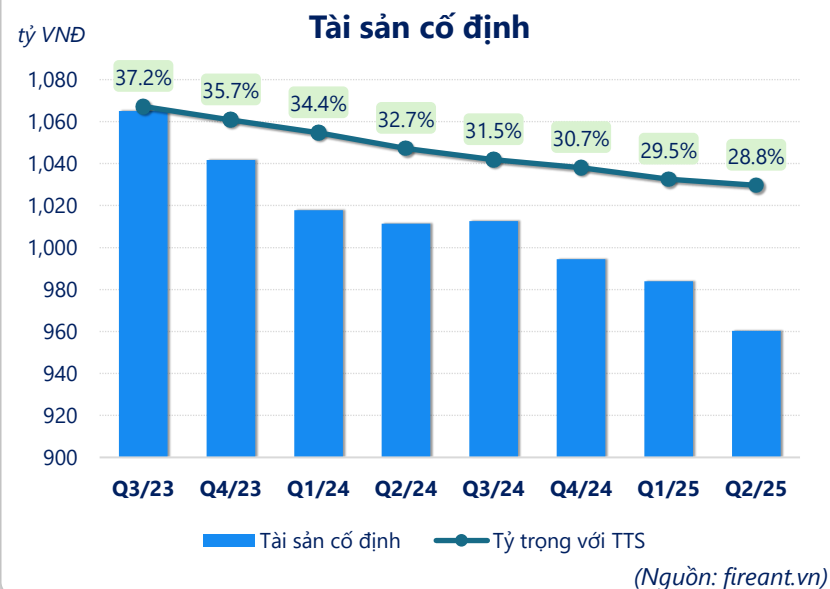
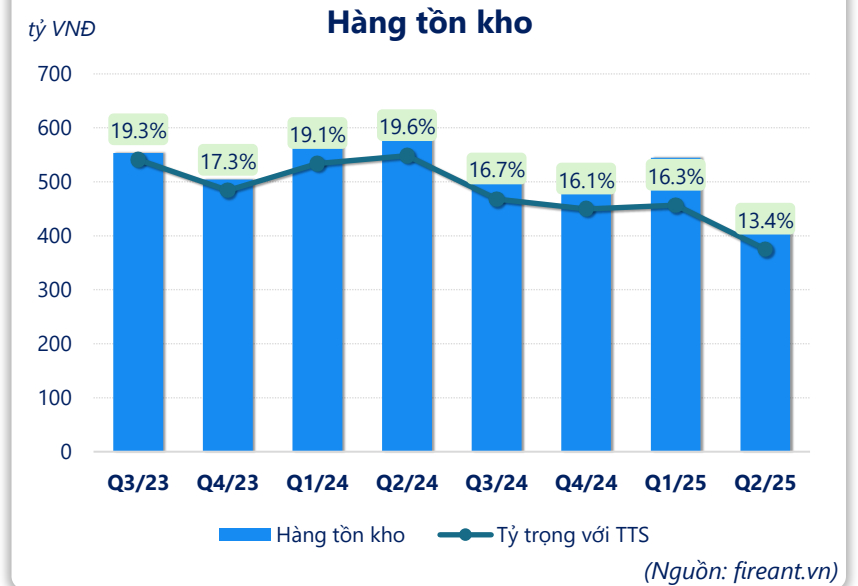
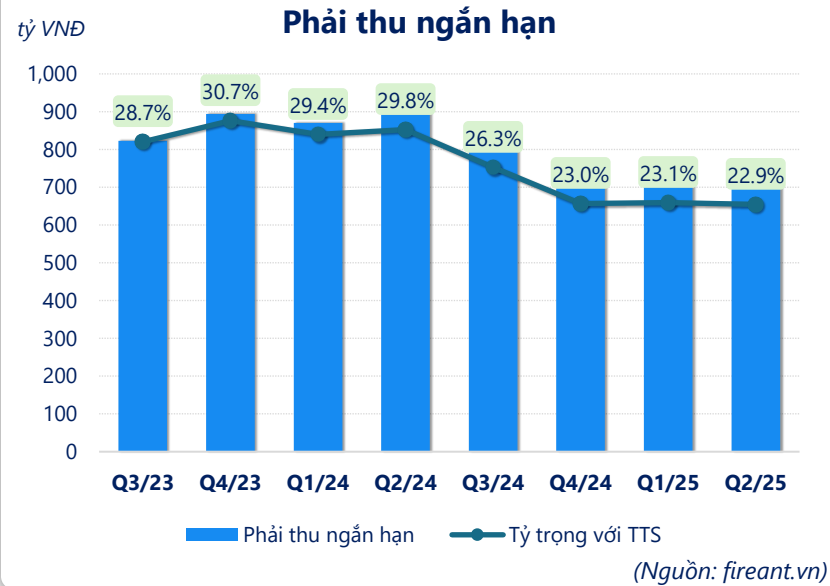
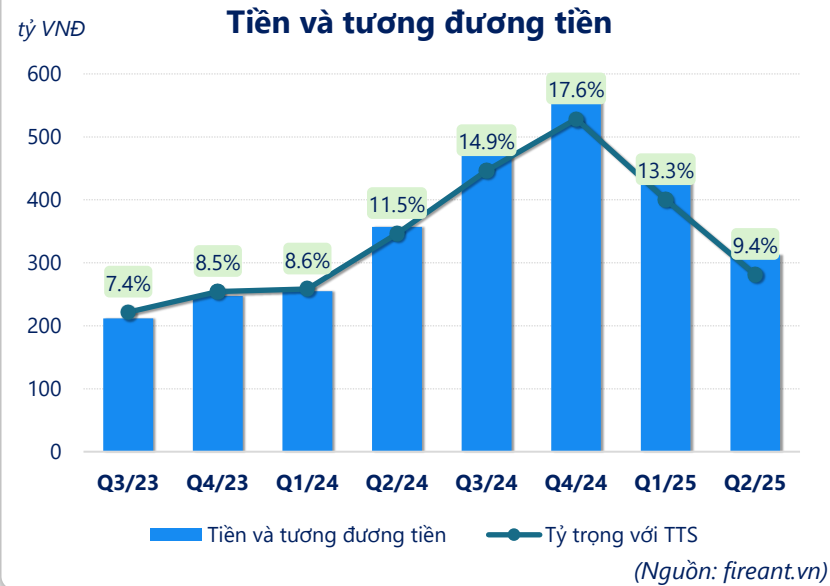
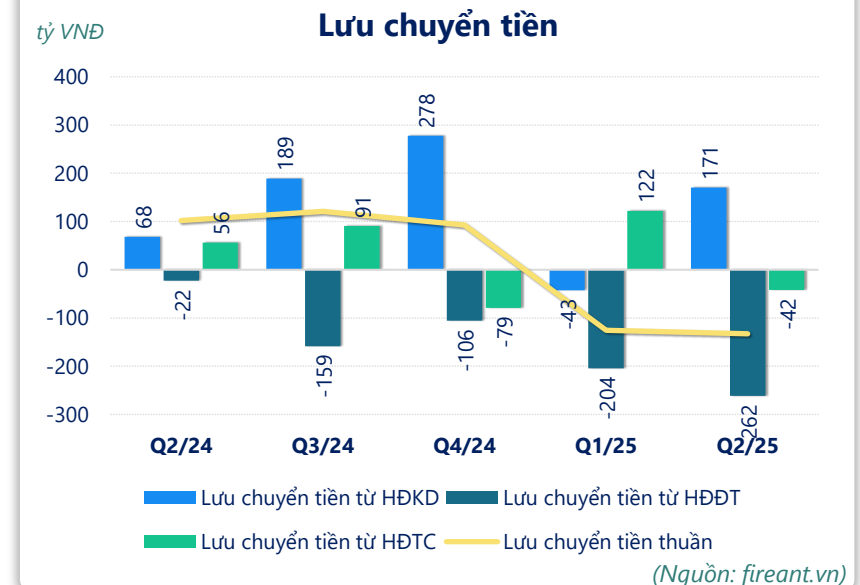
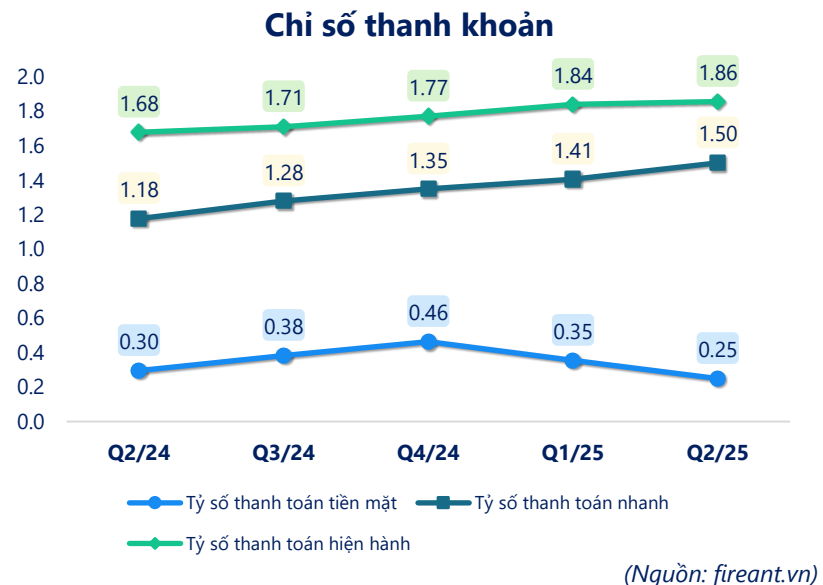
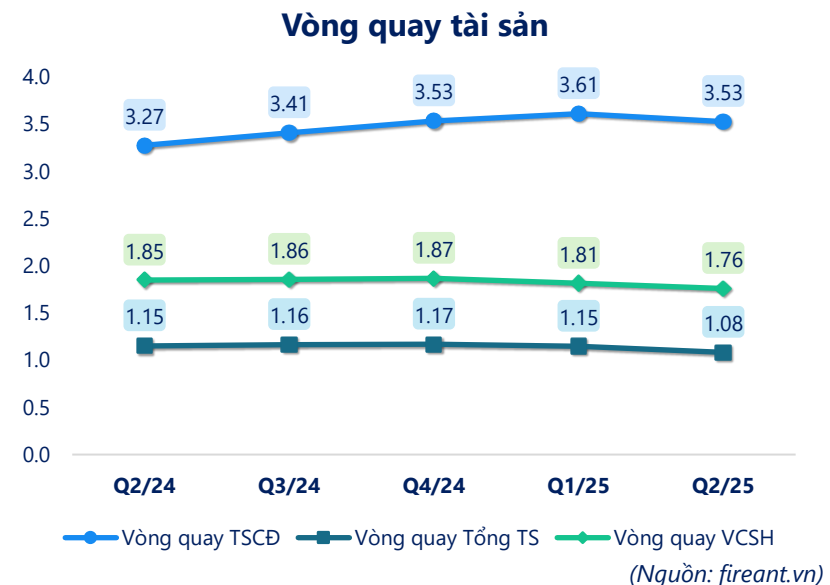
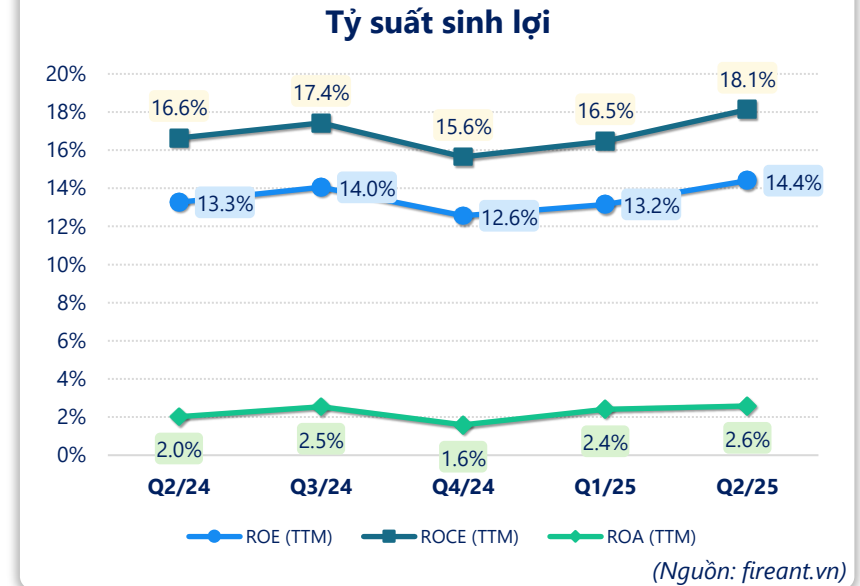
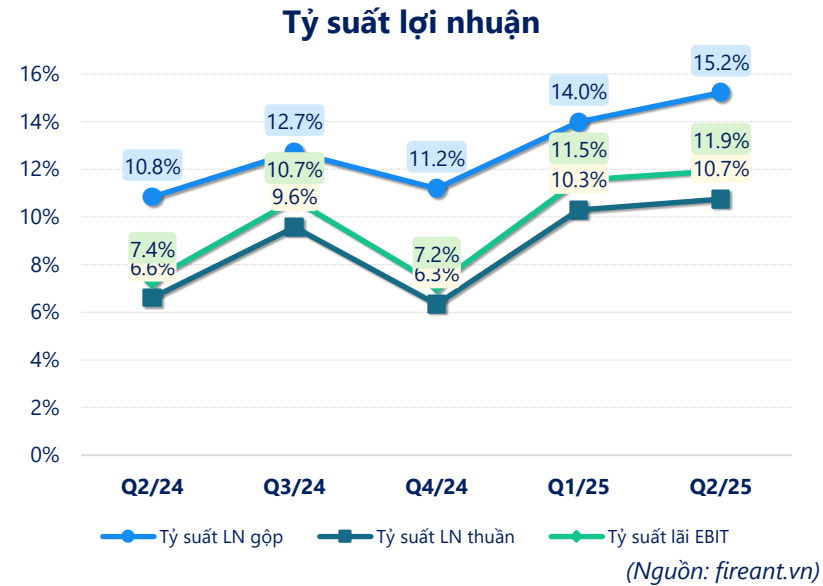
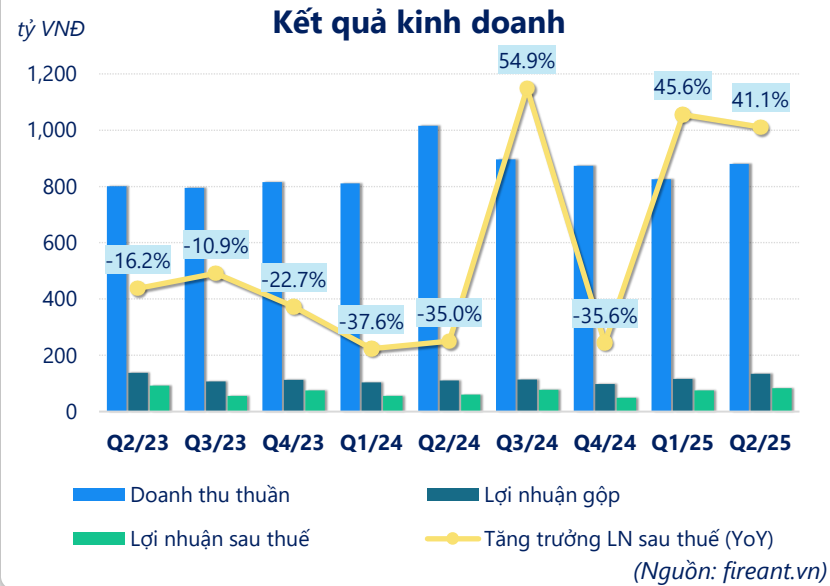


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,195
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,750
SL cổ phiếu LH		96,591,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)		176,310
% sở hữu nước ngoài		36.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,642
P/E		9.3
EPS		2,948

	YTD	1T	3T	6T
DHC	-10.5%	6.4%	1.9%	-12.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,333	3,245	2.7%
Tài sản ngắn hạn	2,331	2,186	6.6%
Tiền và tương đương tiền	313	571	-45.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	800	334	139%
Phải thu ngắn hạn	764	745	2.5%
Hàng tồn kho	447	524	-14.8%
Tài sản ngắn hạn khác	7.28	11.6	-37.0%
Tài sản dài hạn	1,003	1,058	-5.3%
Phải thu dài hạn	1.50	2.57	-41.7%
Tài sản cố định	960	994	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.09	16.7	-69.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.37	5.53	-2.8%
Tài sản dài hạn khác	30.5	39.2	-22.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,260	1,242	1.5%
Nợ ngắn hạn	1,256	1,236	1.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	925	763	21.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	256	408	-37.1%
Nợ dài hạn	4.50	5.50	-18.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.50	5.50	-18.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,073	2,003	3.5%
Vốn chủ sở hữu	2,073	2,003	3.5%
Vốn điều lệ	966	805	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,016	896	873	826	881
Giá vốn hàng bán	906	782	776	711	747
Lợi nhuận gộp	110	114	97.7	116	134
Doanh thu HĐTC	4.55	15.8	9.71	15.9	14.0
Chi phí TC	10.3	6.33	13.1	8.70	11.8
Chi phí lãi vay	4.95	6.27	6.40	7.11	8.78
LN trong công ty LKLD	0.70	0.06	0.12	0.32	-0.47
Chi phí bán hàng	28.6	28.4	28.1	28.7	30.9
Chi phí QLDN	9.27	9.44	11.0	9.25	10.2
LN thuần từ HĐKD	67.2	85.8	55.3	85.1	94.6
Lợi nhuận khác	2.72	3.96	0.83	3.14	1.73
LN trước thuế	69.9	89.8	56.1	88.2	96.4
Lợi nhuận sau thuế	60.5	77.0	49.0	75.7	83.0
LNST của CĐ cty mẹ	60.4	77.0	49.0	75.7	83.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.4	189	278	-42.8	171
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.5	-159	-106	-204	-262
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	56.2	90.7	-78.9	122	-41.6
Tiền đầu kỳ	255	357	478	571	445
Lưu chuyển tiền thuần	102	121	92.9	-125	-133
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	357	478	571	445	313

(Nguồn: fireant.vn)